# Chức năng đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** | UC-1.1 |
| **Tên Use case** | DangKy |
| **Mô tả** | Là khách hàng, tôi muốn đăng ký làm du khách/ nhà cung cấp dịch vụ khách hàng |
| **Tác nhân** | Du khách, nhà cung cấp dịch vụ |
| Độ ưu tiên | Không ưu tiên |
| **Tiền điều kiện** | Không có |
| **Hậu điều kiện** | * Người dùng tạo được tài khoản * Thông tin tài khoản được lưu vào hệ thống. |
| **Quy trình** | 1. Khách hàng sẽ bấm vào nút đăng ký 2. Khách hàng chọn đăng ký làm nhà cung cấp hoặc du khách 3. Khách hàng nhập các thông tin tài khoản và mập khẩu vào ô tương ứng và chọn đăng ký 4. Hệ lưu lại thông tin tài khoản mật khẩu, mật khẩu sẽ được mã hóa dưới dạng MD5 5. Hệ thống hiện lên thông báo đăng ký thành công và quay về trang chủ để khách hàng đăng nhập vào tài khoản |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 4c. Hệ thống kiểm tra tài khoản mật khẩu người dùng nếu chưa hợp lệ thì hiện thông báo và quay về Use Case UC1.1 -3..  4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng ký. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** |  |
| **Yêu cầu phi chức năng** |  |

# Chức năng đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** | UC-1.2 |
| **Tên Use case** | Đăng nhập |
| **Mô tả** | Là người dùng, tôi muốn đăng nhập vào ứng dụng để sử dụng dịch vụ từ hệ thống. |
| **Tác nhân** | Du khách, nhà cung cấp dịch vụ, admin |
| Độ ưu tiên | Phải có |
| **Tiền điều kiện** | * Tài khoản người dùng đã được tạo sẵn * Tài khoản người dùng đã được phân quyền * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập |
| **Hậu điều kiện** | * Người dùng đăng nhập ứng dụng thành công * Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào Activity Log. |
| **Quy trình** | 1. Người dùng truy cập website.  2. Người dùng chọn phương thức đăng nhập  3. Người dùng nhập tài khoản, mật khẩu và chọn lệnh đăng nhập  4. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập vào các tính năng đã được phân quyền  5. Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào Activity Log. |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 4c. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo.  4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** | BR1.1-1: Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập ở lần thứ 6 liên tiếp sẽ bị khóa tài khoản 30 phút. |
| **Yêu cầu phi chức năng** | NFR1.1-1: Time out cho màn hình đăng nhập trên 60 giây không tương tác với hệ thống.  NFR1.1-2: Mật khẩu của người dùng phải được hash bằng MD5. |

# Chức năng thêm nhà cung cấp

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** |  |
|  |  |
| **Tên Use case** | Thêm nhà cung cấp |
| **Mô tả** | Là nhà cung cấp, tôi muốn tạo tài khoản nhà cung cấp để quảng bá các dịch vụ của doanh nghiệp mình lên sàn du lịch điện tử |
| **Tác nhân** | Nhà cung cấp dịch vụ |
| Độ ưu tiên | Không có |
| **Tiền điều kiện** |  |
| **Hậu điều kiện** | * Nhà cung cấp tạo tài khoản thành thành công * Mật khẩu được lưu dưới dạng mã hóa MD5 |
| **Quy trình** | 1. Tại giao diện chính của trang web, bấm chọn nút đăng kí 2. Người dùng chọn làm nhà cung cấp dịch vụ 3. Người dùng nhập thông tin cá nhân theo mẫu có sẵn (tài khoản, mật khẩu, tên doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ, email, loại dịch vụ cung cấp) 4. Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu thông tin người dùng, mật khẩu được mã hóa dưới dạng MD5 5. Hệ thống thông báo cho người dùng đăng kí thành công và quay về trang chủ |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 4c. Hệ thống xác thực thông tin biểu mẩu không hợp lệ sẽ thông báo lên màn hình và quay lại UC1.3-4 .  4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** |  |
| **Yêu cầu phi chức năng** | NFR1.1-1: Time out cho màn hình đăng nhập trên 60 giây không tương tác với hệ thống. |

# Chức năng cập nhật nhà cung cấp

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** |  |
| **Tên Use case** | Cập nhật nhà cung cấp |
| **Mô tả** | Là nhà cung cấp, tôi muốn cập nhật thông tin liên quan đến dịch vụ du lịch của doanh nghiệp mình cũng như các dịch vụ mà danh nghiệp đang cung cấp. |
| **Tác nhân** | Nhà cung cấp dịch vụ |
| Độ ưu tiên | Không có |
| **Tiền điều kiện** | * Tài khoản nhà cung cấp đã được tạo sẵn * Nhà cung cấp đăng nhập vào hệ thống và thiết bị của nhà cung cấp được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập |
| **Hậu điều kiện** | * Nhà cung cấp cập nhật thành công các thông tin về doanh nghiệp cũng như các dịch vụ du lịch mà doanh nghiệp đang cung cấp. |
| **Quy trình** | 1. Tại giao diện chính của nhà cung cấp, bấm chọn cập nhật thông tin nhà cung cấp dịch vụ  2. Người dùng nhập thông tin về doanh nghiệp theo mẫu có sẵn(tên nhà cung cấp, địa chỉ, email, số điện thoại)  3. Nhà cung cấp chọn số lượng dịch vụ và loại dịch vụ mà doanh nghiệp đang cung cấp (Hệ thống chỉ cho chọn số lượng và loại dịch vụ, thông tin về loại hình dịch vụ mà nhà cung cấp đang cung cấp)  4. Hệ thống sẽ tạo ra số lượng biểu mẫu tương ứng với số lượng và loại dịch vụ mà doanh nghiệp chọn  5. Nhà cung cấp nhập thông tin theo biểu mẫu và bấm cập nhật  6. Hệ thống sẽ kiểm tra nếu hợp lệ thì thông tin chi tiết về doanh nghiệp sẽ được cập nhật lên hệ thống |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 4c. Hệ thống xác thực thông tin biểu mẩu không hợp lệ sẽ thông báo lên màn hình và quay lại UC1.3-4 .  4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** |  |
| **Yêu cầu phi chức năng** | NFR1.1-1: Time out cho màn hình đăng nhập trên 60 giây không tương tác với hệ thống. |

Chức năng thêm dịch vụ cung cấp

Sửa thông tin tài khoản

# Thêm Tài Khoản Du khách

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** |  |
| **Tên Use case** | Thêm tài khoản du khách |
| **Mô tả** | Là người dùng, tôi muốn tạo tài khoản để sử dụng dịch vụ của hệ thống |
| **Tác nhân** | Du khách |
| Độ ưu tiên | Không có |
| **Tiền điều kiện** |  |
| **Hậu điều kiện** | * Người dùng đăng kí thành công các thông tin cá nhân. |
| **Quy trình** | 1. Tại giao diện chính của trang web, bấm chọn nút đăng kí 2. Người dùng chọn làm du khách 3. Người dùng nhập thông tin cá nhân theo mẫu có sẵn (tài khoản, mật khẩu, tên người dùng, số điện thoại, địa chỉ) 4. Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu thông tin người dùng, mật khẩu được mã hóa dưới dạng MD5 5. Hệ thống thông báo cho người dùng đăng kí thành công và quay về trang chủ |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 4c. Hệ thống kiểm tra lại thông tin của người dùng nếu không hợp lệ sẽ thông báo lên màn hình và quay lại UC1.3-4 .  4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** |  |
| **Yêu cầu phi chức năng** | NFR1.1-1: Time out cho màn hình đăng nhập trên 60 giây không tương tác với hệ thống. |

# Sửa Tài Khoản Du khách

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case ID** |  |
| **Tên Use case** | Sửa thông tin tài khoản |
| **Mô tả** | Là du khách, tôi muốn cập nhật thông tin tài khoản |
| **Tác nhân** | Du khách |
| Độ ưu tiên | Không có |
| **Tiền điều kiện** | Đăng Nhập |
| **Hậu điều kiện** | * Người dùng đăng kí thành công các thông tin cá nhân. |
| **Quy trình** | * 1. Tại giao diện chính sau khi đăng nhập thành công, du khách bấm chọn vào ô cập nhật thông tin.   2. Hệ thống sửa hiện lên một biểu mẩu để du khách cập nhật lại các thông tin của mình, sau cùng là bấm chọn vào ô cập nhật   3. Hệ thống kiểm tra dữ liệu mà người dùng nhập và lưu lại   4. Hệ thống hiện thông báo cập nhật thành công và quay về màn hình chính |
| **Ngoại lệ trong quy trình** | 3c. Hệ thống kiểm tra lại thông tin của người dùng nếu không hợp lệ sẽ thông báo lên màn hình và quay lại UC1.3-4 .  4c. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case dừng lại. |
| **Quy định nghiệp vụ** |  |
| **Yêu cầu phi chức năng** | NFR1.1-1: Time out cho màn hình đăng nhập trên 60 giây không tương tác với hệ thống. |